

KẾT QUẢ MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN SỬ DỤNG HIỆU QUẢ PHÂN ĐẠM VÀ NPK PHÚ MỸ TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA 2013

(BBT)

Với mục đích giúp nông dân tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật về sử dụng phân bón cân đối hợp lý đem lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp; Vụ mùa năm 2013 Trung tâm Khuyến nông Hải Dương phối hợp với Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí triển khai xây dựng mô hình trình diễn sử dụng phân NPK (12-10-9) Phú Mỹ và đạm Phú Mỹ trên giống lúa BT7 kháng bạc lá kết quả của mô hình như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Địa điểm, số hộ tham gia:

- Địa điểm triển khai: tại xã Nam Trung - huyện Nam Sách - tỉnh Hải Dương.
- Quy mô: 02 ha; trong đó 1,5 ha bón phân Phú Mỹ, 0,5 ha bón phân thông thường.
- Số hộ tham gia: 25 hộ.

2. Giống lúa:

- Giống lúa Bắc thơm 7 kháng bạc lá do Viện nghiên cứu lúa Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội và Công ty TNHH một thành viên giống cây trồng Hải Dương chọn tạo.

- Lượng giống sử dụng: 40 kg/ha. (1.5kg/sào)

3. Thời gian và phương thức gieo cấy.

- Phương thức gieo cấy: Cấy mạ trên sân.
- Ngày gieo : 05 - 06/6/2013.
- Ngày cấy : 12 - 14/6/2013.
- Mật độ cấy trung bình: 42 khóm/m² (số danh cấy 2 danh/khóm).

4. Lượng phân bón và cách bón.

| Công thức | Lượng phân bón | | | | | | | | | |
|-----------|----------------|-------|------------|-------|--------|-------|--------------|-------|-------------|-------|
| | Supe lân | | Urê Phú Mỹ | | Urê TQ | | NPK(12-10-9) | | Kali Canada | |
| | kg/sào | kg/ha | kg/sào | kg/ha | kg/sào | kg/ha | kg/sào | kg/ha | kg/sào | kg/ha |
| Mô hình | - | - | 5 | 140 | - | - | 15 | 420 | 3 | 83 |
| Đối chứng | 15 | 420 | - | - | 9 | 250 | - | - | 5 | 140 |

* Cách bón cho 1sào.

| Lần bón | Ngày bón | Mô hình (kg/sào) | | | Đối chứng (kg/sào) | | |
|---------------|-----------|------------------|---------------|------|--------------------|----------|------|
| | | Urê | NPK (12-10-9) | Kali | Urê | Supe lân | Kali |
| Bón lót: | 12/6/2013 | 1 | 8 | - | 4 | 15 | - |
| Bón thúc đẻ: | 25/6/2013 | 3 | 7 | - | 4 | - | 2 |
| Bón đón đồng: | 20/7/2013 | 1 | - | 3 | 1 | - | 3 |

5. Chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.

* Chăm sóc.

- Thời kỳ từ khi cấy đến khi lúa kết thúc đẻ nhánh rộ giữ mực nước 3- 5 cm.

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM

- Thời kỳ từ khi lúa kết thúc đẻ nhánh đến khi lúa phân hoá đòng rút nước .
- Thời kỳ lúa phân hoá đòng đến khi vào chắc tiếp tục giữ mực nước kết hợp với bón đón đòng.
- Từ khi lúa vào chắc đến khi thu hoạch tiếp tục rút nước trong ruộng.
- * Phòng trừ sâu bệnh và cỏ dại.

Qua theo dõi vụ mùa năm 2013 từ đầu vụ đến cuối vụ nhìn chung về sâu bệnh hại ở mức trung bình so với các năm trước.

- Ngày 12/6/2013 rắc thuốc Cap GOLD 750WP trừ ốc bươu vàng.
- Ngày 20/6/2013 phun thuốc QUINIX 32WP trừ cỏ cho lúa.
- Ngày 29/7/2013 phun thuốc Sec Sài Gòn 5EC; TC Năm Sao 35EC; Khủng 8; trừ sâu cuốn lá; thuốc V-Tvil 500SC trừ bệnh khô vằn.
- Ngày 15/8/2013 khi lúa thấp thoi trở phun thuốc TC Năm Sao 35EC; Khủng 8; Virtaco 40WG trừ sâu cuốn lá, đục thân; thuốc V-Tvil 500SC; Super Kostin 300EC; phòng bệnh khô vằn, lem lép hạt.

II. KẾT QUẢ THEO DÕI MÔ HÌNH:

1. Tình hình diễn biến thời tiết.

- Vụ mùa năm 2013 từ ngày 10 - 29/7/2013 mưa liên tục kéo dài giúp cho cây lúa đẻ nhánh nhanh và tập trung .
- Giai đoạn từ kết thúc đẻ nhánh đến khi lúa bước vào làm đòng gặp ảnh hưởng của 2 cơn bão số 5 và số 6 dẫn đến mưa nhiều, gió to do đó việc rút nước lộ ruộng thực hiện không triệt để. Ngoài ra mưa nhiều, gió to là điều kiện thuận lợi cho bệnh khô vằn; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển, khó phòng trừ.

2. Về tình hình sinh trưởng và phát triển.

Bảng 1: Quá trình sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

| STT | Ngày theo dõi | Chiều cao cây (cm) | | Số nhánh/khóm (nhánh) | | Màu sắc lá | |
|-----|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------|------------|-----------|
| | | Mô hình | Đối chứng | Mô hình | Đối chứng | Mô hình | Đối chứng |
| 1 | 25/6/2013 | 25 | 24 | 2,0 | 1,8 | 4 | 4 |
| 2 | 01/7/2013 | 35 | 33 | 4,2 | 4,0 | 4 | 3 |
| 3 | 08/7/2013 | 47 | 45 | 6,4 | 6,2 | 4 | 4 |
| 4 | 15/7/2013 | 57 | 54 | 8,9 | 8,5 | 4 | 4 |
| 5 | 22/7/2013 | 66 | 65 | 12,2 | 11,8 | 4 | 4 |
| 6 | 29/7/2013 | 76 | 74 | 10,8 | 10,2 | 4 | 4 |
| 7 | 05/8/2013 | 92 * | 90 | 8,4 | 8,1 | 4 | 4 |
| 8 | 12/8/2013 | 106 | 104 | 8,4 | 8,1 | 4 | 4 |
| 9 | 19/8/2013 | 110 | 109 | 8,4 | 8,1 | 4 | 4 |
| 10 | 26/8/2013 | 110 | 110 | 8,4 | 8,1 | 4 | 4 |

*Ghi chú:

- Về chiều cao 07 ngày đo 1 lần bắt đầu từ 14 ngày sau cấy ;
- Theo dõi nhánh đếm cả danh cây (cây 2 danh/khóm) ;
- Màu sắc lá mỗi tuần 1 lần, đo lúc chiều mát bằng bảng so màu lá của viện nghiên cứu lúa quốc tế IRRI.

* Nhận xét:

+ Về phát triển chiều cao:

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM

☛ - Qua bảng trên cho thấy trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển của cây lúa về chiều cao cây ở mô hình được bón phân Phú Mỹ lúa luôn phát triển tốc độ nhanh hơn so với đối chứng từ 1 - 3cm; khi lúa trở bông và chín ở mô hình và đối chứng đều có chiều cao cây là 110cm.

+ Tốc độ đẻ nhánh:

- Qua bảng trên cho thấy ở mô hình lúa đẻ nhánh sớm, số dảnh/khóm và số dảnh hữu hiệu/khóm cao hơn so với đối chứng.

+ Về màu sắc lá:

- Lúa sử dụng phân Phú Mỹ từ giai đoạn đẻ nhánh đến giai đoạn trở bông màu sắc lá tương đương với số 4 (đủ đậm) ở bảng so màu lá .

- Đối chứng ở giai đoạn lúa đẻ nhánh màu sắc lá tương đương với số 3 (thiếu đậm) của bảng so màu lá.

- Bón phân NPK Phú Mỹ và đạm Phú Mỹ cây cứng, lá đứng chống đổ tốt hơn so với đối chứng.

3. Kết quả theo dõi tình hình sâu bệnh hại:

Bảng 3: Sâu, bệnh hại trên cây lúa.

| Lần phun | Loại sâu, bệnh | Mô hình | | | Đối chứng | | |
|----------|------------------|------------|---|--------|------------|---|--------|
| | | Ngày/tháng | % | cấp độ | Ngày/tháng | % | cấp độ |
| Lần 1 | Sâu cuốn lá | 29/7/2013 | 0 | - | 29/7/2013 | 0 | - |
| | Bệnh khô vằn | | - | 1 | | - | 3 |
| Lần 2 | Sâu đục thân | 15/8/2013 | 0 | - | 15/8/2013 | 0 | - |
| | Đốm sọc vi khuẩn | | - | 0 | | - | 0 |
| | Bạc lá | | - | 0 | | - | 0 |
| | Bệnh Khô vằn | | - | 1 | | - | 3 |

Ghi chú: - Đối với sâu tính % số số lá, dảnh bị hại.

- Đối với bệnh tính cấp độ bệnh.

* Nhận xét:

- Về sâu, bệnh: Lúa BT7 kháng bạc lá bón phân Phú Mỹ khả năng chống chịu sâu, bệnh tương đương với đối chứng, riêng bệnh khô vằn chống chịu tốt hơn so với đối chứng.

3. Về năng suất:

Bảng 2: Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất.

| Công thức | Mật độ (khóm/m ²) | Số bông/khóm | Số bông/m ² | Tổng số hạt/bông | Số hạt chắc/bông | Tỷ lệ hạt lép (%) | P 1000 hạt | Năng suất lý thuyết (tạ/ha) | Năng suất dự kiến (tạ/ha) |
|-----------|-------------------------------|--------------|------------------------|------------------|------------------|-------------------|------------|-----------------------------|---------------------------|
| Mô hình | 42 | 8.4 | 352,8 | 110 | 102 | 7,2 | 20 | 71,9 | 61,1 |
| Đối chứng | 42 | 8.1 | 340,2 | 106 | 96 | 9,4 | 20 | 65,3 | 55,6 |

* Nhận xét:

- Mô hình sử dụng phân Phú Mỹ đủ lượng bón cân đối có số dảnh nhiều hơn 0,3 dảnh/khóm, số bông nhiều hơn 12,6 bông/m², tỷ lệ hạt lép thấp hơn 2,2% và năng suất cao 5,5 tạ/ha so với đối chứng.

4. Về hiệu quả kinh tế (tính cho 1 sào 360m²)

| Chỉ tiêu | Đơn giá (đ/kg) | Mô hình | | Đối chứng | |
|-------------------------------|-------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| | | Số lượng (kg) | Thành tiền (đ) | Số lượng (kg) | Thành tiền (đ) |
| 1. Đầu tư | | | 950.700 | | 869.600 |
| - Giống lúa BT7 Kháng bạc lá | 30.000 | 1,5 | 45.000 | 1,5 | 45.000 |
| - Urê Phú Mỹ | 10.500 | 5 | 52.500 | - | - |
| - Supe lân | 3.200 | - | - | 15 | 48.000 |
| - NPK 12-10-9 Phú Mỹ | 12.400 | 15 | 187.500 | - | - |
| - Urê TQ | 9.400 | - | - | 9 | 84.600 |
| - Kali | 12.400 | 3 | 37.200 | 5 | 62.000 |
| - Thuốc BVTV | | | 120.000 | | 120.000 |
| - Thuốc trừ cỏ, ốc bươu vàng | | | 11.000 | | 11.000 |
| - Đánh chuột, thủy lợi | | | 19.000 | | 19.000 |
| - Cây bừa, cấy, gặt, tuốt... | | | 470.000 | | 470.000 |
| 2. Thu: | ĐVT | | 1.760.000 | | 1.640.000 |
| Năng suất dự kiến | kg/sào | 220 | | 205 | |
| | tạ/ha | 61,1 | | 55,6 | |
| Lãi/sào | đ | | 809.300 | | 770.400 |
| Lãi/ha | đ | | 22.480.000 | | 21.400.000 |
| Chênh so với đối chứng | đ/ha | | 1.080.500 | | - |

Giá bán tạm tính 8.000 đ/kg thóc.

* Nhận xét: Qua bảng trên cho thấy năng suất lúa của mô hình bón phân đạm và NPK Phú Mỹ cao hơn so với đối chứng là 5,5 tạ/ha.

- Với giống lúa BT7 kháng bạc lá sử dụng phân đạm và NPK 12-10-9 Phú Mỹ để bón đã tăng hiệu quả kinh tế lên 1.080.500 đ/ha so với đối chứng.

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận:

- Sử dụng phân đạm và NPK 12-10-9 Phú Mỹ bón cho lúa đúng kỹ thuật giúp cho cây lúa sinh trưởng tốt, phát triển cân đối, đẻ nhánh sớm, khỏe, tập trung.

- Sử dụng phân NPK Phú Mỹ cây lúa khỏe mạnh cây cứng, lá đứng bộ lá xanh bền, khả năng chống chịu bệnh khô vằn tốt hơn so với đối chứng.

- Phân NPK Phú Mỹ có hàm lượng dinh dưỡng cao có chứa các nguyên tố trung vi lượng. Là loại phân dễ sử dụng, khi bón cho lúa giúp cây sinh trưởng tốt tăng nhánh hữu hiệu, tăng tỷ lệ hạt chắc/bông, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế hơn so với đối chứng.

- Sử dụng phân đạm và NPK Phú Mỹ bón cho lúa đã làm tăng năng suất 5,5 tạ/ha, cho thu lãi cao hơn so với đối chứng là 1.080.500đ/ha.

2. Đề nghị:

- Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí tiếp tục đầu tư, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn sử dụng phân đạm và NPK Phú Mỹ trên cây lúa cũng như các loại cây trồng khác để khẳng định chất lượng và các ưu điểm của loại phân bón này■